

Bản án số: **80/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 17/4/2025

*“V/v không công nhận vợ chồng giữa
Bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bích

2. Bà Dương Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Tạ Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tr, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Bà H, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tạ Văn T chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1981, không đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm

ăn kinh tế gia đình không thống nhất, không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thành, ông T đã đi kết hôn với người phụ nữ khác. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng kéo dài. Vì vậy bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà là Hoàng Thị H với ông Tạ Văn T.

Về con chung: Bà xác định bà và ông T có 01 con chung tên là Tạ Anh T1, sinh ngày 01/8/1988; hiện nay cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và đã xây dựng gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung biên bản lấy lời khai và hòa giải bị đơn ông Tạ Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị H chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1981, không đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế gia đình không thống nhất, không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thành, sau đó ông kết hôn với người phụ nữ khác. Nay bà Hoàng Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, quan điểm của ông nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Ông xác định ông và bà H có 01 con chung tên là Tạ Anh T1, sinh ngày 01/8/1988, đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và đã xây dựng gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai chung: Ông xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T xác định có 01 con chung tên là Tạ Anh T1, sinh ngày 01/8/1988, đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và đã xây dựng gia đình, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị H; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp; trên cơ sở cung cấp thông tin của Công an xã Y, huyện H thì ông Tạ Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3 M, xã Y, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bà Hoàng Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án các đương sự đều chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T về chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1981, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình không thống nhất, không quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thấy rằng: Sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu tại xã nhưng tại thời điểm kiểm tra Ủy ban nhân dân xã không còn lưu được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở về trước mà chỉ lưu được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 đến nay. Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 đến nay không có tên bà Hoàng Thị H, sinh năm 1961 và ông Tạ Văn T, sinh năm 1959, trú tại thôn 3 M, xã Y, huyện H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Như vậy, bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T chung sống với nhau từ năm 1981 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù họ đã có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử cần xử không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T xác định có 01 con chung tên là Tạ Anh T1, sinh ngày 01/8/1988, đã trưởng thành

(trên 18 tuổi) và đã xây dựng gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị H là người cao tuổi (trên 60 tuổi), có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Tạ Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Tạ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- T.H.A dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Bích - Dương Thị Ninh

Hoàng Cao Tiến

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Tuyết Mai

